TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 10 năm 2019
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiểm

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Phạm Đức Tuế;

2) Ông Hoàng Đức Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Khánh Luyện – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2019/ TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/ QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm: 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm BN 3, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú hiện tại; Xóm NC, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Hà Văn V, sinh năm: 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện tại: Thôn BN 3, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn - chị Lê Thị D trình bày:

Chị và anh Hà Văn V đi đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 08/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; việc kết hôn hai bên đều hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau ở thôn BN 3, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm về lối sống, anh V thường ghen tuông, nghi ngờ chị sống không chung thủy, từ đó anh V thường hay mắng chủi, xúc phạm chị, vợ chồng thường xuyên cãi vã thậm chí xảy ra xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ tháng 12/2018 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với anh Hà Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Hà Lê Kh, sinh ngày 17/10/2012. Hiện nay con đang sống cùng với chị ở xóm NC, xã ĐM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, chị D xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn là anh Hà Văn V xác định: Về quá trình kết hôn như chị D khai là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, đến cuối năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị D không tôn trọng chồng, không quan tâm đến chồng, vì vậy vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, to tiếng, thậm chí xảy ra xô xát. Từ tháng 10/2018 anh đi làm xa nhà, thỉnh thoảng mới về thăm con, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị D xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Hà Lê Khôi, sinh ngày 17/10/2012. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

con chung đến khi trưởng thành. Chị D không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản chung, anh V xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành mở phiên họp, phiên hòa giải nhưng anh V không có mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là Lê Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh V. Anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh V nhất trí khi ly hôn để chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Hà Lê Khôi đến khi trưởng thành, chị D tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh đồng ý. Về tài sản chung, chị D và anh V thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị D, tuyên xử chị D được ly hôn với anh Hà Văn V. Về con chung: Giao con chung là Hà Lê Khôi, sinh ngày 17/10/2012 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh V do chị D tự nguyện không yêu cầu.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Lê Thị D và anh Hà Văn V có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật được pháp luật công nhận.

- *Về nội dung:* Xét yêu cầu của chị D xin được ly hôn anh Hà Văn V thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D xin ly hôn, anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Hà Văn V.

Chị D và anh V xác định vợ chồng có 01 con chung là Hà Lê Kh, sinh ngày 17/10/2012. Khi ly hôn, chị D đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V đồng ý. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, khi ly hôn giao con chung là Hà Lê Khôi cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh V do chị D tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị D và anh Hà Văn V xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét.

Chị D và anh V xác định vợ chồng không có nợ chung.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 271,273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Hà Văn V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Hà Lê Kh, sinh ngày 17/10/2012 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.2. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh V do chị D tự nguyện không yêu cầu. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 VNĐ theo biên lai thu số 0008628 ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sang tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị D, anh V; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ(02 bản);
- THADS huyện ĐịnhHóa;
- UBND xã ĐM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiểm